



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 04/2021



ÁN LỆ SỐ 40/2021/AL

ÁN LỆ SỐ 41/2021/AL

ÁN LỆ SỐ 42/2021/AL

ÁN LỆ SỐ 43/2021/AL

**CẬP NHẬT VIỆC CÔNG NHẬN VÀ
CHO THI HÀNH PHÁN QUYẾT TẠI
VIỆT NAM**

**ĐỒNG THỜI ÁP THUẾ CHỐNG BÁN
PHÁ GIÁ VÀ THUẾ CHỐNG TRỢ CẤP
ĐƯỜNG MÍA TỪ THÁI LAN: RỦI RO
THUẾ TRÙNG THUẾ?**

PHÁT HÀNH BỞI LAC DUY & ASSOCIATES

LIÊN HỆ CHÚNG TÔI

🌐: <http://lacduy-associates.com>

✉: lacduy@lacduy-associates.com

☎: +84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES



Quý khách hàng thân mến,

Lac Duy & Associates trân trọng được gửi tới quý khách hàng Bản tin pháp luật của tháng 04 năm 2021 với một số điểm tin và bài viết đáng chú ý như sau:

- Cập nhật việc công nhận và cho thi hành phán quyết tại Việt Nam
- Án lệ số 40/2021/AL Về công nhận việc chuyển đổi quyền sử dụng đất trên thực tế
- Án lệ số 41/2021/AL Về chấm dứt hôn nhân thực tế
- Án lệ số 42/2021/AL Về quyền lựa chọn tòa án giải quyết tranh chấp của người tiêu dùng trong trường hợp hợp đồng theo mẫu có thỏa thuận trọng tài.
- Án lệ số 43/2021/AL Về hiệu lực của hợp đồng thế chấp KHI tài sản thế chấp là nhà đất do bên thế chấp nhận chuyển nhượng của người khác nhưng chưa thanh toán đủ tiền cho bên bán
- Bài viết: Đồng thời áp thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đường mía Thái Lan: Rủi ro thuế trùng thuế



LAC DUY & ASSOCIATES



CẬP NHẬT VIỆC CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH PHÁN QUYẾT TẠI VIỆT NAM

Vào ngày 01 tháng 04 năm 2021, tại Hội thảo về Trọng tài thương mại quốc tế và tòa án do Trung tâm Trọng tài Thương mại quốc tế của Khoa Luật Washington College of Law Đại học American University, thủ đô Washington, Hoa Kỳ tổ chức, Tiến sĩ Lê Nguyệt – Partner của Lac Duy & Associates, Thành viên của Hội đồng Khoa Học Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam VIAC, đã báo cáo một bản án số 01/2019/KDTM-ST ngày 12/07/2019 của tòa án nhân dân tỉnh TN về việc không công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài Thái Lan (“TAI”). Trong đó, một trong lý do tòa án từ chối công nhận phán quyết của trọng tài Thái Lan bởi vì hợp đồng được ký kết giữa các bên không đúng trình tự, thủ tục (hợp đồng không được đóng dấu bởi người đại diện theo pháp luật). Việc trọng tài Thái Lan áp dụng luật Thái Lan để kết luận hợp đồng không cần đóng dấu mới phát sinh hiệu lực pháp luật là trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Thông qua vụ việc này, Tiến sĩ Lê Nguyệt cho rằng việc ký kết thực hiện hợp đồng và, thậm chí, giải quyết tranh chấp là một quy trình vô cùng phức tạp, mất nhiều thời gian và công sức. Khi phán quyết trọng tài nước ngoài không được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam vì một lý do nhỏ liên quan đến việc ký tên, đóng dấu thì rõ ràng thiệt hại cho doanh nghiệp sẽ rất lớn. Do đó, doanh nghiệp cần sức thận trọng kiểm tra chữ ký, đóng dấu bởi vì trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, ký tên, đóng dấu là thủ tục và thường chỉ có vi phạm thủ tục nghiêm trọng mới bị không công nhận và/hoặc bị hủy phán quyết trọng tài mà thôi.

Recent Court Cases on International Commercial Arbitration
Developments in Australia, China, the Philippines, and Vietnam

Event of the Alumni of the AUWCL Center on International Commercial Arbitration
Date: Thursday, April 1, 2021
Time: 8 a.m. EST (Time in Washington, D.C.); 11 PM Australia; 9 PM Philippines and China; 6 7 PM in Vietnam.
The event is online through Zoom (webinar), and will be recorded.

Registration:
The event is free of charge, but registration required.
<https://www.aucan.academy.com/registration/2021-04-01-08-00-04>



Horacio Grigera Naón
Director of the Center on International Commercial Arbitration, AUWCL, and Independent Arbitrator



Caroline Swartz-Zern
Counsel at the Australian Centre for International Commercial Arbitration (ACICA) and a Senior Associate at Allens (in alliance with Linklaters)



Zhang Xi
Senior Counsel, Beijing International Arbitration Center



Elmar B. Galacio
Senior Partner, Deputy Managing Partner, Cruz Marcelo & Tenebrancia, Manila



Nguyệt Lê
Partner at Lac Duy & Associates, HCMC, Vietnam; and Member, Scientific Council, Vietnam International Arbitration Center



🌐: <http://lacduy-associates.com>

✉: lacduy@lacduy-associates.com

☎: +84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES



Vừa qua, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định số 42/QĐ-CA về việc công bố án lệ. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12/3/2021. Theo Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp có trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng án lệ trong xét xử từ ngày 15/4/2021. Nội dung dưới đây sẽ phân tích cụ thể về các án lệ này và đưa ra các tình huống, giải pháp pháp lý mở rộng để bạn đọc có thể tham khảo và áp dụng hiệu quả án lệ trong thực tiễn xét xử.

ÁN LỆ SỐ 40/2021/AL VỀ CÔNG NHẬN VIỆC CHUYỂN ĐỔI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN THỰC TẾ

Nguồn án lệ: Theo Quyết định giám đốc thẩm số 37/2019/DS-GĐT ngày 28/6/2019 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về vụ án dân sự “Tranh chấp thừa kế tài sản” tại tỉnh Thanh Hóa giữa nguyên đơn là ông Lê Văn C1, Lê Văn C2, bà Lê Thị M với bị đơn là ông Lê Văn D1, bà Nguyễn Thị T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị xã B và bà Lại Thị H.





LAC DUY & ASSOCIATES



Vị trí nội dung án lệ: Đoạn 8, 9 phần “Nhận định của Tòa án”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- **Tình huống án lệ:** Các bên chuyển đổi quyền sử dụng đất trên thực tế, không có thỏa thuận bằng văn bản; các bên đã sử dụng đất ổn định, lâu dài, không có tranh chấp, đã đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nhận chuyển đổi.
- **Giải pháp pháp lý:** Trường hợp này, phải công nhận việc chuyển đổi quyền sử dụng đất trên thực tế; các bên có quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã chuyển đổi.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Khoản 2 Điều 3 Luật Đất đai năm 1993 (trương ứng với khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013);
- Khoản 2 Điều 170 Bộ luật Dân sự năm 2005 (trương ứng với khoản 2 Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Từ khóa của án lệ: “Chuyển đổi quyền sử dụng đất trên thực tế”; “Sử dụng đất ổn định, lâu dài”; “Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”; “Công nhận việc chuyển đổi quyền sử dụng đất trên thực tế”.

Phân tích án lệ:

Theo nội dung vụ án, việc giao đất cho các hộ nông dân của xã T là thực hiện theo chính sách của Nhà nước và được lập hồ sơ công khai. Khi Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân thị xã B thực hiện chính sách giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 716 hộ nông dân của xã T, trong đó có hộ cụ U và hộ bà T2, cụ U và cụ K đều còn sống nhưng không có đơn, không kê khai đối với thửa đất đang tranh chấp, hai cụ chỉ kê khai đối với thửa đất số 325 (theo ông D1, bà T2 khai là thửa đất đổi cho hai cụ) và hai cụ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này, hộ bà T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 986a (là thửa 986 đang tranh chấp). Mặt khác, sau khi hộ bà T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang tranh chấp không có ai khiếu nại; chỉ đến năm 2008, khi cụ U, cụ K đã chết mới xảy ra tranh chấp giữa các con của hai cụ. Do đó, có căn cứ xác định cụ U và cụ K đã đổi đất cho bà T2, ông D1. Trên thực tế, các bên chuyển đổi quyền sử dụng đất không có thỏa thuận bằng văn bản nhưng các bên đã sử dụng đất ổn định, lâu dài, không có tranh chấp, đã đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nhận chuyển đổi.



LAC DUY & ASSOCIATES



Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Luật Đất đai năm 1993 (tương ứng với khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013) quy định về việc người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất. Bên cạnh đó tại Khoản 2 Điều 170 Bộ luật Dân sự năm 2005 (tương ứng với khoản 2 Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015) cũng quy định về căn cứ xác lập quyền sở hữu được xác lập đối với tài sản trong trường hợp được chuyển quyền sở hữu theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng theo bản đồ 299 năm 1985, cụ K, cụ U là người sử dụng đất đang tranh chấp, nên đất đang tranh chấp là di sản của cụ U, cụ K và đã chia thừa kế đất của cụ K là không đúng.”

Như vậy, trong trường hợp này, phải công nhận việc chuyển đổi quyền sử dụng đất trên thực tế; các bên có quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã chuyển đổi.



LAC DUY & ASSOCIATES



ÁN LỆ SỐ 41/2021/AL VỀ CHẤM DỨT HÔN NHÂN THỰC TẾ

Nguồn án lệ: Bản án dân sự phúc thẩm số 48/2010/DSPT ngày 29/7/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng về vụ án “Tranh chấp chia di sản thừa kế và chia tài sản chung” tại tỉnh Kon Tum giữa nguyên đơn là chị Trần Thị Trọng P1 với bị đơn là anh Trần Trọng P2 và anh Trần Trọng P3; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm 06 người.

Vị trí nội dung án lệ: Đoạn 3, 4 phần “Nhận định của Tòa án”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- **Tình huống án lệ:** Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nhưng sau đó họ không còn chung sống với nhau và trước khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực, có người chung sống với nhau như vợ chồng với người khác. Quan hệ hôn nhân đầu tiên và quan hệ hôn nhân thứ hai đều là hôn nhân thực tế.

- **Giải pháp pháp lý:** Trường hợp này, phải xác định hôn nhân thực tế đầu tiên đã chấm dứt.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 (trương ứng với Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015);
- Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Từ khóa của án lệ: “Hôn nhân thực tế”; “Chấm dứt hôn nhân thực tế”.

Phân tích án lệ:

Theo điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự 2005 (“BLDS 2005”) (trương ứng với Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015) (“BLDS 2015”), vợ được xếp vào hàng thừa kế thứ nhất khi xét đến những người được hưởng thừa kế theo pháp luật. Tương chừng như quy định như vậy là đã đủ rõ ràng và tường minh, song, trên thực tế, vẫn có những mối quan hệ vợ - chồng phát sinh dựa trên quan hệ “hôn nhân thực tế”, vì vậy mà việc xác định liệu quan hệ hôn nhân này vẫn còn tồn tại hay chấm dứt, các bên có còn là vợ/chồng của nhau hay không là một vấn đề nan giải trong thực tiễn xét xử.

Theo nội dung án lệ, năm 1969, ông T1 đã bắt đầu chung sống với bà T2 và có 2 con chung là P2 và P3. Từ năm 1982 trở đi, bà T2 vào Bà Rịa – Vũng Tàu chung sống với ông D và có 3 người con



LAC DUY & ASSOCIATES



chung. Về phía ông T1, từ năm 1985, ông và bà S chung sống và có con chung là P1. Năm 2003, ông T1 chết không để lại di chúc. Do đó, ngày 8/10/2004, chị P1 đã khởi kiện để yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông T1 để lại. Trong vụ án này, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được xác định gồm 6 người, trong đó có bà T2 (người đã chung sống với ông T1 từ năm 1969 đến năm 1982). Vấn đề pháp lý đặt ra trong vụ án này là liệu quan hệ hôn nhân giữa ông T1 và bà T2 đã chấm dứt hay chưa? Hay nói cách khác, bà T2 có được coi là vợ của ông T1 để trở thành một trong những người thừa kế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 676 BLDS 2005 (tương ứng với điểm a khoản 1 Điều 651 BLDS 2015) hay không?

Đối với vụ án này, trước hết, Tòa án đã xác định quan hệ hôn nhân giữa lần lượt giữa ông T1 và bà T2, ông T1 và bà S đều là quan hệ hôn nhân thực tế. Theo điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (“Nghị quyết 35/2000/QH10”), nếu quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều này có nghĩa là, đối với quan hệ vợ chồng xác lập trước ngày 03/01/1987, việc đăng ký kết hôn được Nhà nước khuyến khích, tuy nhiên, nếu không đăng ký kết hôn thì quan hệ này vẫn được pháp luật công nhận là quan hệ hôn nhân thực tế. Theo quy định này, quan hệ vợ chồng giữa bà T2 và ông T1 được xác lập từ năm 1969 – trước ngày 03/01/1987 và đây là quan hệ hôn nhân thực tế. Tương tự, quan hệ giữa ông T1 và bà S từ năm 1985 cũng là hôn nhân thực tế.

Tiếp đó, trên thực tế, từ năm 1982 trở đi, bà T2 không còn là vợ của ông T1 nữa. Căn cứ điểm c1 khoản 1 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (“Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP”), “người đang có vợ hoặc có chồng là người sống chung với người khác như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987 và đang chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Xét thấy ông T1 và bà T2 đã không còn chung sống với nhau từ năm 1982. Và từ năm 1985, ông T1 và bà S chung sống với nhau cho đến khi ông T1 mất. Như vậy, xác định được rằng từ năm 1985 về sau, ông T1 là chồng của bà S, và bà S là vợ của ông T1. Vì lẽ đó, Tòa án nhận định rằng, quan hệ hôn nhân thực tế giữa bà T2 và ông T1 đã chấm dứt. Bà T2 không còn là vợ của ông T1 nữa. Điều này là phù hợp với tinh thần của Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP. Vì vậy, bà T2



LAC DUY & ASSOCIATES



không được hưởng thừa kế theo pháp luật như quy định tại điểm a khoản 1 Điều 676 BLDS 2005 (tương ứng với điểm a khoản 1 Điều 651 BLDS 2015).

Với vụ án đang phân tích, từ năm 1982 trở đi, cả bà T2 và ông T1 đều lần lượt chung sống và có con chung với người khác. Quan hệ hôn nhân thực tế giữa hai người vì thế được xác định là đã chấm dứt. Mở rộng ra, trường hợp chỉ một trong hai người, vợ hoặc chồng bỏ đi, chung sống với người khác trước ngày 03/01/1987 và không trở về, tình huống này có thể cũng được xem là hôn nhân thực tế ban đầu đã kết thúc. Vì vậy, có thể hình thành tình huống pháp lý và giải pháp pháp lý như sau: **“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nhưng sau đó họ không còn chung sống với nhau và trước khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực, có người chung sống với nhau như vợ chồng với người khác. Như vậy, quan hệ hôn nhân đầu tiên và quan hệ hôn nhân thứ hai đều là hôn nhân thực tế và trường hợp này phải xác định hôn nhân thực tế đầu tiên đã chấm dứt”**.





LAC DUY & ASSOCIATES



ÁN LỆ SỐ 42/2021/AL VỀ QUYỀN LỰA CHỌN TÒA ÁN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG TRƯỜNG HỢP HỢP ĐỒNG THEO MẪU CÓ THỎA THUẬN TRỌNG TÀI

Nguồn án lệ: Bản án sơ thẩm số 54/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa về vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Long T và ông Nguyễn Hoàng S với bị đơn là Công ty TNHH Khu du lịch V.

Vị trí nội dung án lệ: Đoạn 9 phần “Nhận định của Tòa án”

Khái quát nội dung của án lệ:

- **Tình huống án lệ:** Trong hợp đồng theo mẫu giao kết với người tiêu dùng có điều khoản lựa chọn Trọng tài nước ngoài để giải quyết tranh chấp. Khi xảy ra tranh chấp, người tiêu dùng khởi kiện ra Tòa án Việt Nam.
- **Giải pháp pháp lý:** Trường hợp này, phải xác định người tiêu dùng không lựa chọn trọng tài và có quyền lựa chọn Tòa án Việt Nam giải quyết theo quy định tại Điều 38 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010, Điều 17 Luật Trọng tài thương mại 2010 và hướng dẫn tại khoản 5 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Điều 38 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010;
- Điều 17 Luật Trọng tài thương mại năm 2010;
- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại.

Từ khóa của án lệ: “Hợp đồng theo mẫu thỏa thuận lựa chọn Trọng tài nước ngoài”; “Người tiêu dùng”; “Lựa chọn Tòa án Việt Nam”

Theo nội dung án lệ số 42/2021/AL, ngày 26/02/2017, bà Nguyễn Thị Long T và ông Nguyễn Hoàng S giao kết Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ số PBRC-S-064621 với Công ty TNHH Khu du lịch V. Tại điều 12.3 của Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ, các bên có thỏa thuận chọn cơ quan và phương thức giải quyết



LAC DUY & ASSOCIATES



tranh chấp là Trung tâm Trọng tài quốc tế Singapore (SIAC) theo các quy tắc trọng tài của SIAC có hiệu lực tại thời điểm giải quyết tranh chấp.

Sau đó, ngày 26/4/2017, bà Nguyễn Thị Long T, ông Nguyễn Hoàng S xem kỹ lại hợp đồng đã giao kết thì thấy có những điều khoản của Hợp đồng không hợp lý, nên đã chủ động đề nghị chấm dứt hợp đồng, nhưng không được phía Công ty TNHH Khu du lịch V chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Long T và ông Nguyễn Hoàng S đã khởi kiện tại Tòa án với nội dung: Đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ số PBRC-S-064621 ngày 26/02/2017 vô hiệu và hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Long T và ông Nguyễn Hoàng S số tiền đã nộp là 300.488.000 đồng.

Một trong những vấn đề pháp lý đặt ra trong vụ án này là Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ thuộc loại hợp đồng soạn sẵn do nhà cung cấp dịch vụ đưa ra, soạn sẵn quy định thỏa thuận trọng tài, nguyên đơn ký kết hợp đồng có nghĩa là thỏa thuận trọng tài này có hiệu lực. Vậy, khi xảy ra tranh chấp nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án sẽ giải quyết hay từ chối giải quyết vụ việc này?

Đối với vụ án này, trước hết cần phải xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là gì và trong trường hợp này, Tòa án đã căn cứ Điều 513 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 14 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010 để xác định Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ giữa bà Nguyễn Thị Long T và ông Nguyễn Hoàng S giao kết với Công ty TNHH Khu du lịch V là hợp đồng dịch vụ, qua hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Long T và ông Nguyễn Hoàng S với Công ty TNHH Khu du lịch V là tranh chấp hợp đồng dịch vụ. Điều đó có nghĩa là Công ty TNHH Khu du lịch V là nhà cung cấp dịch vụ và bà Nguyễn Thị Long T và ông Nguyễn Hoàng S là người tiêu dùng.

Tuy nhiên, Điều 17 Luật Trọng tài thương mại và hướng dẫn tại khoản 5 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được: *“Nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ và người tiêu dùng có điều khoản về thỏa thuận trọng tài được ghi nhận trong các điều kiện chung về cung cấp hàng hóa, dịch vụ do nhà cung cấp soạn sẵn quy định tại Điều 17 Luật Trọng tài thương mại nhưng khi phát sinh tranh chấp, người tiêu dùng không đồng ý lựa chọn Trọng tài giải quyết tranh chấp”*.



LAC DUY & ASSOCIATES



Vì vậy, **Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ số PBRC-S-064621 thuộc loại hợp đồng soạn sẵn do nhà cung cấp dịch vụ đưa ra, soạn sẵn quy định thỏa thuận trọng tài, nay nguyên đơn là người tiêu dùng không đồng ý lựa chọn trọng tài và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang giải quyết là phù hợp với Điều 38 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010, Điều 17 Luật Trọng tài thương mại 2010 và hướng dẫn tại khoản 5 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2014/NQ-HDTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.** Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý và giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.





LAC DUY & ASSOCIATES



ÁN LỆ SỐ 43/2021/AL VỀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP KHI TÀI SẢN THẾ CHẤP LÀ NHÀ ĐẤT DO BÊN THẾ CHẤP NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG CỦA NGƯỜI KHÁC NHƯNG CHƯA THANH TOÁN ĐỦ TIỀN CHO BÊN BÁN

Nguồn án lệ: Quyết định giám đốc thẩm số 01/2019/KDTM-GĐT ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” tại Thành phố Hồ Chí Minh giữa nguyên đơn là Ngân hàng A với bị đơn là bà Nguyễn Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Kim H, ông Dương Quốc K.

Vị trí nội dung án lệ: Đoạn 2 phần “Nhận định của Tòa án”.

Khái quát nội dung án lệ:

- **Tình huống án lệ:** Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được công chứng, bên mua đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhưng mới thanh toán được một phần tiền mua nhà đất; các bên chưa thực hiện việc giao nhận nhà. Bên mua thế chấp nhà đất cho Ngân hàng, có đăng ký thế chấp theo đúng quy định của pháp luật; bên bán biết và đồng ý để bên mua thế chấp nhà đất nhưng sau đó lại có yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

- **Giải pháp pháp lý:** Trường hợp này, phải xác định hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Các điều 168, 323, 342, 425, 438, 689 Bộ luật Dân sự năm 2005 (trương ứng với các điều 161, 298, 318, 423, 440, 502 Bộ luật Dân sự năm 2015); các điều 439, 692 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 10 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Từ khóa của án lệ: “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở”; “Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở”; “Chưa thanh toán hết tiền mua nhà đất”; “Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở”; “Hợp đồng thế chấp”; “Đăng ký thế chấp”.

Phân tích án lệ:

Trong án lệ này, đưa ra được điểm khó khăn trong việc giải quyết các tranh chấp của hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất khi một trong hai bên đều có lý do chính đáng của



LAC DUY & ASSOCIATES



mình phù hợp với pháp luật Việt Nam. Cho nên án lệ này là một trong những cách giải quyết nếu có sự lặp lại trong tương lai.

Trong nội dung vụ án, Ngân hàng cho bà Nguyễn Thị L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Nguyễn Tấn Đ vay tổng cộng 8.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-200900957 ngày 04/12/2009, phụ lục hợp đồng sửa đổi hợp đồng tín dụng số 01/PL/BS/HĐTD ngày 04/12/2009 và 02 giấy nhận nợ (ngày 04/12/2009 số tiền vay 7.750.000.000 đồng, ngày 04/12/2009 số tiền vay 250.000.000 đồng) với lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng. Sau đó, hai bên đã ký phụ lục hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-200900957/PLHĐ ngày 15/12/2010 thỏa thuận điều chỉnh lãi suất vay trong hạn là 16%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm:

- Quyền sử dụng 298,3m² đất và nhà ở thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 93 tại số 26Đ, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7332/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2008 cho bà L.
- Quyền sử dụng 113,16m² đất và nhà ở thuộc thửa đất số 82, MPT 79, tờ bản đồ số 89 tọa lạc tại số 20/2T, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7331/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2008 cho bà L.

Bà L đã thế chấp các tài sản trên theo hợp đồng thế chấp tài sản số 6360-LCP-2009-00949 ngày 01/12/2009 đã được công chứng và đăng ký tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Ngân hàng đã giải ngân cho bà L với tổng số tiền là 8.000.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L không thanh toán đầy đủ, đến hạn bà L chỉ trả lãi trong hạn vào ngày 12/5/2010, nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn cho hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 07/12/2012 là 14.780.416.666 đồng, trong đó nợ gốc 8.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.879.083.333 đồng, lãi quá hạn 3.901.333.333 đồng. Nếu bà L không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ

Ngày 03/11/2008, Ông Dương Quốc K, bà Phạm Thị Kim H có thỏa thuận bán cho bà L hai căn nhà số 26Đ và số 20/2T với giá 5.500.000.000 đồng; bà L đã trả được 3.000.000.000 đồng, còn nợ 2.500.000.000 đồng hẹn đến ngày 03/11/2009 sẽ thanh toán đủ để nhận nhà. Bà L yêu cầu ông bà ký



LAC DUY & ASSOCIATES



công chứng cho bà L đứng tên nhà đất để bà L thế chấp Ngân hàng. Sau khi vay được tiền từ Ngân hàng, bà L không trả đủ tiền mua nhà cho ông bà. Sau này, ông bà được biết Ngân hàng đã cho bà L vay số tiền vượt quá quy định của Nhà nước. Hiện nay, ông bà vẫn đang quản lý sử dụng hai căn nhà này, ông bà đề nghị được lấy lại nhà và trả lại cho bà L 3.000.000.000 đồng trước đây đã nhận.

Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 171/2013/KDTM-PT ngày 10/10/2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định sửa bản án sơ thẩm như sau:

- Vô hiệu hợp đồng thế chấp tài sản số 6360-LCP-2009-00949 giữa Ngân hàng A – Chi nhánh B với bà Nguyễn Thị L – Chủ doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Nguyễn Tấn Đ đối với căn nhà số 26Đ, phường Q, quận P, TP. Hồ Chí Minh và căn nhà số 20/2T, phường Q, quận P, TP. Hồ Chí Minh được ký kết và công chứng ngày 01/12/2009. Ngân hàng A (Chi nhánh Ngân hàng A quận B) phải trả 02 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7332/2008/UB.GCN ngày 07/11/2008 và số 7331/2008/UB.GCN ngày 07/11/2008 do Ủy ban nhân dân quận P cấp cho bà Nguyễn Thị L.





LAC DUY & ASSOCIATES



Tuy nhiên, tại phiên tòa giám đốc thẩm, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có nhận định như sau về xử lý tài sản thế chấp: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định tài sản thế chấp là nhà đất tại số 26Đ và 20/2T nêu trên là của bà L nhận chuyển nhượng của ông Dương Quốc K, bà Phạm Thị Kim H theo các hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được công chứng ngày 04/11/2008. Ngày 07/11/2008, bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Như vậy, **hai nhà đất trên thuộc quyền sở hữu của bà L kể từ ngày 07/11/2008, nên bà L có quyền dùng hai nhà đất này thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền; ông K, bà H cũng biết và đồng ý cho bà L thế chấp nhà đất trên với Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm hợp pháp nên có hiệu lực pháp luật.**

Ông K, bà H cho rằng bà L chưa trả đủ tiền mua nhà đất, còn nợ 2.500.000.000 đồng để yêu cầu hủy hợp đồng mua bán nhà, trả lại 3.000.000.000 đồng đã nhận cho bà L là không có cơ sở. Nếu bà L không trả đủ số tiền mua nhà đất còn thiếu, ông K và bà H có quyền khởi kiện một vụ án khác để yêu cầu bà L thanh toán khoản tiền này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định Ngân hàng A được quyền yêu cầu phát mãi tài sản là 2 nhà đất nêu trên của bà L để thu hồi nợ khi bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp tài sản số 6360-LCP-2009-00949 giữa Ngân hàng với bà L đối với căn nhà số 26Đ và căn nhà số 20/2T, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/12/2009 là không đúng, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Tòa án quyết định giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 287/2013/KDTM-ST ngày 19/3/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.



LAC DUY & ASSOCIATES



ĐỒNG THỜI ÁP THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ VÀ THUẾ CHỐNG TRỢ CẤP ĐƯỜNG MÍA TỪ THÁI LAN: RỦI RO THUẾ TRÙNG THUẾ?

TS. Lê Thị Ánh Nguyệt* | *TBKTSG số 17-2021: Nhận diện nhiệt điện than (thesaigontimes.vn)*

Ngày 9 tháng 2 năm 2021, để ngăn ngừa thiệt hại cho sản phẩm đường mía của Việt Nam, Bộ Công thương Việt Nam đã áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp tạm thời đối với sản phẩm đường mía nhập khẩu Thái Lan (“**Quyết định 477**”).¹ Ngày 12 tháng 5 năm 2021 sắp tới, Bộ Công thương cũng sẽ tổ chức tham vấn về việc điều tra và áp thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp tạm thời này. Trong khi đó, Điều VI.5 Hiệp định chung về thuế quan và thương mại 1994 (“**Hiệp định GATT 1994**”) yêu cầu các thành viên Tổ chức thương mại Thế giới (“**WTO**”) có nghĩa vụ không áp thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với cùng một mặt hàng nhập khẩu (“**nguyên tắc tránh đánh thuế trùng**”). Bài viết phân tích nguyên tắc tránh đánh thuế trùng và, trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp.

WTO yêu cầu tránh đánh thuế trùng

Để thực hiện tự do hóa thương mại, WTO yêu cầu các thành viên WTO phải cắt giảm thuế nhập khẩu



dỡ bỏ hạn ngạch thuế quan. Do đó, để ngăn ngừa thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước do giảm thuế, bỏ hạn ngạch, WTO cho phép các thành viên WTO áp dụng một số biện pháp khắc phục mang tính chất tạm thời bao gồm: (i) biện pháp chống bán phá giá (khi doanh nghiệp nước ngoài bị kết luận bán phá giá); (ii) biện pháp chống trợ cấp (khi chính phủ nước ngoài trợ cấp, hỗ trợ tài chính hướng đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa) và (iii) biện pháp tự vệ (khi hàng hóa nước ngoài gia tăng). Các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ thương mại đã được ghi nhận từ năm 1947 trong Hiệp định chung về thuế quan và thương mại 1994 (“**Hiệp định GATT 1994**”). Để tăng cường hiệu quả áp dụng, WTO đã cụ thể hóa các nghĩa vụ này trong các Hiệp định chống bán phá giá (“**Hiệp định ADA**”), Hiệp định chống trợ cấp (“**Hiệp định SCM**”).

Nhìn chung, theo các Hiệp định này, khi điều tra và áp thuế chống bán phá giá hay thuế chống trợ cấp đối với hàng nhập khẩu từ các thành viên khác



LAC DUY & ASSOCIATES



của WTO, Việt Nam không có nghĩa vụ phải áp dụng trực tiếp Hiệp định GATT 1994, Hiệp định ADA và Hiệp định SCM để điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp các mặt hàng nhập khẩu. Như vậy, việc Việt Nam ban hành và áp dụng Luật quản lý ngoại thương 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, chứ không áp dụng trực tiếp các Hiệp định ADA và Hiệp định SCM, vào quy trình điều tra và áp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với đường mía nhập khẩu từ Thái Lan là hoàn toàn phù hợp với nghĩa vụ thành viên WTO của Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam có nghĩa vụ phải làm pháp luật do mình ban hành phù hợp với các nghĩa vụ được quy định trong các Hiệp định nêu trên (Điều XVI.4 Hiệp định Marakesh thành lập WTO và Điều 18.4 Hiệp định ADA, Điều 32.5 Hiệp định SCM). Trong bối cảnh Việt Nam đã đồng thời áp thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với đường mía nhập khẩu thì Việt Nam có nghĩa

vụ phải tuân thủ nguyên tắc tránh đánh thuế trùng được quy định tại Điều VI.5 Hiệp định GATT 1994 “không một sản phẩm nào xuất xứ từ lãnh thổ của bất kỳ quốc gia ký kết nhập khẩu vào lãnh thổ của thành viên ký kết khác chịu cả thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp để bù đắp cho cùng một tình huống bán phá giá hoặc trợ cấp xuất khẩu”.

Theo Hiệp định SCM WTO, trợ cấp được phân loại thành 03 loại: (1) trợ cấp đèn đỏ (bị cấm) bao gồm một trong 02 nhóm nhỏ như (i) trợ cấp liên quan đến thưởng xuất khẩu và (ii) trợ cấp ưu tiên sử dụng hàng nội địa thay thế hàng nhập khẩu;² (2) trợ cấp đèn vàng (có thể bị kháng kiện) như hỗ trợ tiếp cận quỹ đất, vốn vay cho toàn thể doanh nghiệp, không giới hạn xuất khẩu³ và (3) trợ cấp đèn xanh (không thể bị kháng kiện – đã hết hiệu lực từ 2003) như trợ cấp nghiên cứu khoa học nâng cao năng suất sản xuất.⁴ Hay nói cách khác, hàng hóa nhận trợ cấp đèn vàng và trợ cấp đèn xanh không

được xuất khẩu và sẽ chỉ tiêu thụ tại chính quốc gia cấp trợ cấp mà thôi. Do đó, không áp thuế chống trợ cấp đối với các loại hàng hóa nhận trợ cấp đèn vàng và đèn xanh.

Trên thực tế, có nhiều nguyên nhân khiến cho doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa của mình vào thị trường nước ngoài với giá không công bằng. Trong đó, trợ cấp xuất khẩu cũng là một cách để doanh nghiệp xuất khẩu bù lỗ. Do đó, WTO cho rằng, nếu doanh nghiệp nhận tiền của chính phủ để bù lỗ cho chi phí sản xuất và bán phá giá thì khi áp thuế chống bán phá giá, hàng hóa sẽ phải tăng giá, thiệt hại cho doanh nghiệp sản xuất hàng tương tự của quốc gia nhập khẩu đã được loại trừ. Lúc này, WTO yêu cầu nếu quốc gia nhập khẩu vẫn tiếp tục áp thuế chống trợ cấp thì cơ quan có thẩm quyền của họ phải có nghĩa vụ loại bỏ những thiệt hại do bán phá giá gây nên và để lúc này thuế chống trợ



LAC DUY & ASSOCIATES



cấp chỉ dùng để loại bỏ thiệt hại do trợ cấp xuất khẩu gây nên mà thôi. Như vậy, thuế chống bán phá giá cũng là thuế nhập khẩu bổ sung và thuế chống trợ cấp cũng là thuế nhập khẩu bổ sung. Do đó, WTO hoàn toàn hợp lý khi yêu cầu các thành viên của mình phải đảm bảo không áp dụng **“thuế trùng thuế”** đối với cùng một mặt hàng nhập khẩu từ các thành viên WTO.

Trên thực tế, nhiều thành viên WTO cũng kiện lên Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO (**“Cơ quan DSB”**) về việc bị vi phạm nguyên tắc này. Chẳng hạn như, Argentina đã kiện Peru vì Peru đã áp dụng cả thuế chống bán phá giá (Quyết định số 189-2016/CDB-INDECOPI ngày 19/10/2016) và thuế chống trợ cấp (theo Quyết định số 011-2016/CDB-INDECOPI ngày 25/01/2016) đối với sản phẩm dầu sinh học (**“biodiesel”**) nhập khẩu từ Argentina.⁵

Và, tính đến thời điểm hiện nay, Trung Quốc là thành viên

khởi kiện bị vi phạm nguyên tắc này nhiều nhất bởi vì các thành viên WTO (như Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu...) đã nhiều lần đồng thời áp thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp lên hàng hóa xuất khẩu từ Trung Quốc.⁶ Cụ thể, trong vụ kiện Trung Quốc với Hoa Kỳ (DS368), Hoa Kỳ cho rằng vở xe GPX của Trung Quốc nhập khẩu vào Hoa Kỳ với giá không công bằng gây thiệt hại đáng kể cho ngành công nghiệp vở xe trong nước của Hoa Kỳ và áp thuế chống bán phá giá 29.93% và thuế chống trợ cấp là 14%. Trung Quốc khởi kiện Hoa Kỳ ra Cơ quan DSB của WTO bởi vì việc áp thuế đồng thời chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với sản phẩm này của Hoa Kỳ bằng phương pháp đặc biệt áp dụng đối nước có nền kinh tế phi thị trường (từ chối sử dụng giá của Trung Quốc, mà chỉ sử dụng giá từ các quốc gia khác thay thế cho giá hàng hóa của Trung Quốc) như là biện pháp trừng phạt hai lần.⁷

Áp dụng đồng thời thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp: Việt Nam đã tránh thuế trùng thuế?

Ở Việt Nam, mía đường là một trong những ngành công nghiệp lâu đời nhưng năng lực cạnh tranh vẫn còn nhiều thấp. Trong bối cảnh hội nhập, Việt Nam không thể tiếp tục bảo hộ bằng chính sách thuế nhập khẩu và hạn ngạch thuế quan. Do đó, Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục áp dụng nhiều biện pháp để tự do thương mại ngành mía đường (như cắt giảm thuế nhập khẩu đường còn 5%; bãi bỏ hạn ngạch nhập khẩu đường mía từ ngày 1/1/2020 đối với các nước ASEAN ...) và đồng thời hỗ trợ nâng cao sức cạnh tranh (nâng cao chất lượng giống mía, cơ giới hóa ...). Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, giá mía nguyên liệu, giá đường nhập khẩu vào Việt Nam vẫn thấp hơn giá mía nguyên liệu, giá đường thành phẩm do Việt



LAC DUY & ASSOCIATES



Nam sản xuất.

Vào tháng 9/2020, Cục phòng vệ thương mại Bộ Công thương Việt nam đã căn cứ vào Luật Quản lý ngoại thương 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã thụ lý Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) của một số doanh nghiệp sản xuất đường mía của Việt Nam và tiến hành điều tra bán phá giá và trợ cấp đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan có mã số HS 1701.13.00, 1701.14.00, 1701.99.10. Đến ngày 9/2/2021, Bộ Công thương đã áp thuế chống bán phá giá (đường tinh luyện là 48,88% và đường thô là 33,88%) và thuế chống trợ cấp đối với Trade Remedies Authority mía đường nhập khẩu từ Thái Lan.⁸ WTO đã từng khẳng định “vi phạm nguyên tắc thuế trùng thuế không nhất thiết sẽ xảy ra đơn thuần chỉ bởi vì thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đều cùng áp dụng đối với cùng một sản phẩm. Nhưng, về bản chất,

thuế trùng thuế dùng để chỉ hoàn cảnh mà việc áp dụng đồng thời cả thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với cùng một sản phẩm nhập khẩu dẫn đến hệ quả là triệt tiêu trợ cấp xuất khẩu đến hai lần”.⁵ Như vậy, khi Việt Nam đồng thời áp dụng cả thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp, nếu muốn chứng minh Việt Nam không vi phạm nguyên tắc thuế trùng thuế, chúng ta có nghĩa vụ chứng minh Việt Nam không triệt tiêu trợ cấp xuất khẩu của Thái Lan hai lần!!

Trong bối cảnh, các quy định của Luật quản lý ngoại thương 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa cụ thể hóa nguyên tắc tránh đánh thuế trùng theo yêu cầu của Điều VI.5 Hiệp định GATT 1994. Hơn thế nữa, hồ sơ câu hỏi do Cục phòng vệ thương mại gửi cho doanh nghiệp vẫn chưa thể hiện được thông tin tránh đánh thuế trùng trong việc xác định mức thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp.⁶

Đặc biệt, doanh nghiệp Việt Nam

có viện dẫn một số chương trình trợ cấp do chính phủ Thái Lan thực hiện, bao gồm cả trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp thông thường, (ví dụ như chương trình miễn giảm thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế giá trị gia tăng đối với hàng xuất khẩu và các chương trình hỗ trợ nông dân đường mía của chính phủ Thái Lan...).

Thuế chỉ đang tạm thời?

Chúng tôi cho rằng cần phải rà soát đồng bộ việc áp dụng cùng lúc thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp tạm thời đối với một số sản phẩm đường mía bởi vì nhiều lý do. **Thứ nhất**, như đã phân tích, theo WTO, nghĩa vụ loại bỏ “thuế trùng thuế” là nghĩa vụ chủ động của các thành viên WTO khi đồng thời áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với một mặt hàng nhập khẩu bị điều tra. Do đó, Việt Nam cần phải ghi nhận



LAC DUY & ASSOCIATES



chi tiết hơn về sự chủ động này trong quản lý ngoại thương 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành để phòng ngừa trường hợp Việt Nam bị kiện vì luật Việt Nam không phù hợp với nghĩa vụ của WTO theo các Hiệp định của WTO (*as such violation*). Đồng thời, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cũng cần rà soát trong từng hồ sơ điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp của một mặt hàng nhất định, Việt Nam đã

phân tích những chương trình, thuật toán, phương pháp mà Việt Nam sử dụng để loại trừ khả năng Việt Nam đã đánh trùng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp lên cùng một thiệt hại, cùng một hành vi bán với giá không công bằng để phòng ngừa Việt Nam bị kiện vì thực tiễn áp dụng luật vi phạm với nghĩa vụ của Việt Nam theo WTO (*as applied violation*). **Thứ hai**, hai loại thuế này sẽ làm giá đường mía tăng cao hơn. Về lý thuyết, điều này sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, giá thành của những ngành công nghiệp sử dụng đường làm nguyên liệu sản xuất khác và người tiêu dùng sẽ bị ảnh hưởng, bị thiệt hại. Trong khi đó, Luật quản lý ngoại thương đã khẳng định “*cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ phải xác định tác động của biện pháp chống bán phá giá đối với kinh tế xã hội – Điều 80 khoản 4*). **Và, cuối cùng**, không kém phần quan trọng đó là, Quyết định 477 chỉ là quyết định áp thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp tạm thời. Việt Nam có quyền rà soát và điều chỉnh theo hướng áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại khác nếu Việt Nam có đủ chứng cứ cho rằng đường mía của Việt Nam đã đang bị thiệt hại nghiêm trọng để tránh rủi ro vi phạm nguyên tắc “thuế trùng thuế”.

* Tiến sỹ Luật, Partner in Lac Duy & Associates, thành viên Hội đồng khoa học của VIAC.

1 Quyết định 477/QĐ-BCT về việc áp thuế CBPG và thuế CTC tạm thời đối với sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan.

²[1] Điều 3 Hiệp định SCM.

³[2] Điều 5 Hiệp định SCM.

⁴[3] Điều 8 Hiệp định SCM.

⁵ WT/DS379/AB/R, đoạn 541.

⁶ Quyết định 2466/QĐ-BCT ngày 21/9/2020.

🌐: <http://lacduy-associates.com>

✉: lacduy@lacduy-associates.com

☎: +84917275572/+842836221603



LAC DUY & ASSOCIATES



VĂN BẢN PHÁP LUẬT THÁNG 04/2021

SỐ	NGÀY HIỆU LỰC	TÊN VĂN BẢN
DOANH NGHIỆP – TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC		
1.	19/04/2021	Quyết định 830/QĐ-BTC năm 2021 công bố danh mục báo cáo định kỳ trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính
2.	26/04/2021	Quyết định 11/2021/QĐ-UBND quy định về phương thức hỗ trợ chênh lệch lãi suất và hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ cho doanh nghiệp theo Nghị quyết 87/2019/NQ-HĐND về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		
3.	26/04/2021	Quyết định 09/2021/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định 52/2014/QĐ-UBND quy định Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu công nghệ thông tin tập trung trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
GIAO THÔNG – VẬN TẢI		
4.	20/04/2021	Quyết định 838/QĐ-UBND năm 2021 công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Cần Thơ
THƯƠNG MẠI		
5.	28/04/2021	Quyết định 10/2021/QĐ-UBND về Quy chế xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Vĩnh Phúc
TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ, VĂN HÓA – XÃ HỘI		
6.	12/04/2021	Quyết định 416/QĐ-BXD về Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tội phạm năm 2021 của Bộ Xây dựng
7.	20/04/2021	Quyết định 1418/QĐ-BVHTTDL năm 2021 về phân công nhiệm vụ trong lãnh đạo Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch



LAC DUY & ASSOCIATES



		TÀI NGUYÊN – MÔI TRƯỜNG
8.	08/04/2021	Quyết định 753/QĐ-UBND năm 2021 về Quy chế phối hợp trong công tác quản lý thu thuế tài nguyên, tiền cấp quyền, phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế
		THỂ THAO – Y TẾ
9.	26/04/2021	Quyết định 2008/QĐ-BYT năm 2021 về hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 do chủng vi rút Corona mới (SARS-CoV-2) do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành
10.	22/04/2021	Quyết định 1966/QĐ-BYT năm 2021 hướng dẫn chẩn đoán và điều trị hội chứng giảm tiểu cầu, huyết khối sau tiêm vắc xin COVID-19 do Bộ Y tế ban hành